
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ DƯỢC LIỆU TẠI HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

Nguyễn Thị Minh Thu

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: ntmthu@vnua.edu.vn

Trương Ngọc Tín

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: truongngoctin@vnua.edu.vn

Lại Phương Thảo

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: lpthao@vnua.edu.vn

Đỗ Minh Tuấn

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: dominhtuan2805@gmail.com

Đỗ Trường Lâm

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: dtlam@vnua.edu.vn

Mã bài: JED - 720

Ngày nhận: 06/06/2022

Ngày nhận bản sửa: 19/10/2022

Ngày duyệt đăng: 05/11/2022

Tóm tắt:

Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình thời gian tới. Qua khảo sát 80 tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị dược liệu tại Yên Thủy cho thấy dược liệu được bán qua 5 kênh chính, trong đó kênh tiêu thụ bởi thu gom địa phương và bán trực tiếp cho cơ sở chế biến chiếm ưu thế với 40% sản lượng. Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi bị hạn chế về tuân thủ cam kết. Nghiên cứu đề xuất 07 giải pháp gồm: Nâng cao trình độ canh tác cho cơ sở trồng dược liệu; Thúc đẩy hình thành và nâng cấp các mối liên kết trong chuỗi; Đổi mới công nghệ chế biến sâu; Cải tiến cách thức kết nối thị trường tiêu thụ; Kết hợp phát triển dược liệu bản địa chủ lực với bảo tồn và phát triển dược liệu quý; Thương mại hóa các sản phẩm dược liệu chế biến đạt OCOP; Cải thiện cơ sở hạ tầng vùng sản xuất dược liệu để nâng cao hiệu quả toàn chuỗi.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, dược liệu, chuỗi giá trị dược liệu.

Mã JEL: D24, E23, Q10

Solutions for developing medicinal value chain in Yen Thuy district, Hoa Binh province

Abstract

This study is conducted to assess the current situations and propose some suggestions for developing the medicinal value chain in Yen Thuy district, Hoa Binh province in the future. A survey of 80 actors involved in the medicinal value chain in Yen Thuy shows that Medicinal plants are sold through five main channels, in which the channel of consumption by local collectors and directly sold to processing facilities dominates (40% of production). Links between actors in the chain are limited in terms of commitment compliance. Seven solutions are proposed including Raising the cultivation level for medicinal plant growers; Promote the formation and upgrading of links in the chain; Innovation of deep processing technology; Improve the way to connect the consumption market; Combining the development of key indigenous medicinal herbs with the conservation and development of precious medicinal herbs; Commercialize processed medicinal products to achieve OCOP; Improve the infrastructure of the pharmaceutical production area to improve the efficiency of the whole chain.

Keywords: Value chains, medical plants, medicinal value chain.

JEL Codes: D24, E23, Q10

1. Đặt vấn đề

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ước tính khoảng 25% các loại thuốc đang lưu hành trên thế giới có nguồn gốc từ thực vật. Khoảng 80% dân số ở các nước đang phát triển sử dụng thuốc có nguồn gốc thực vật cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe (Mebrahtu Hishe & cộng sự, 2016).

Việt Nam là quốc gia có nhu cầu sử dụng dược liệu lớn và cũng là quốc gia có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú với trên 5.000 loài dược liệu quý hiếm. Theo Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền ước tính khả năng tự cung cấp nguyên liệu dược phục vụ việc sản xuất thuốc trong nước của Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 25 - 30% (Lê Nga, 2019).

Hòa Bình là tỉnh miền núi phía Bắc có điều kiện tự nhiên và địa hình thích hợp với nhiều loài cây dược liệu quý như: xạ vàng, xạ đen, giảo cổ lam, cà gai leo, thất diệp nhất chi hoa, sâm đá... Tại đây, dược liệu được trồng chủ yếu trên đất rừng, vườn tạp, kết hợp với khai thác dược liệu tự nhiên đã đem lại giá trị kinh tế. Yên Thủy là một trong bốn huyện được quy hoạch là vùng trọng điểm phát triển cây dược liệu của tỉnh Hòa Bình. Thời gian qua, địa phương đã quy hoạch phát triển vùng dược liệu, thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị nhằm hướng tới cung cấp nguồn dược liệu đảm bảo chất lượng, số lượng cho các cơ sở chế biến dược liệu và góp phần phát triển bền vững. Tuy nhiên, phát triển dược liệu tại Yên Thủy vẫn còn hạn chế: sản xuất thiếu tập trung, giới hạn về kỹ thuật canh tác, công nghệ chế biến và kênh phân phối... Đồng thời, liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ dược liệu còn thiếu và yếu, chưa có các chính sách hỗ trợ đặc thù nên chưa thu hút được nhiều tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị ngành hàng dược liệu, đặc biệt là doanh nghiệp.

Từ những vấn đề trên, bài viết đánh giá thực trạng, yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp phát triển chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Từ rất lâu, chuỗi giá trị đã được các nhà nghiên cứu quan tâm. Theo Porter (1985), chuỗi giá trị là quá trình từ thiết kế sản phẩm, chuẩn bị đầu vào, hậu cần, sản xuất, tiếp thị, bán hàng, dịch vụ hỗ trợ và tại mỗi hoạt động, sản phẩm được gia tăng thêm giá trị... Các nghiên cứu về chuỗi giá trị đều chỉ ra rằng khi các thành viên hợp tác, liên kết với nhau, chuỗi càng bền vững và đem lại nhiều hiệu quả về kinh tế, xã hội; sự tin tưởng giữa các chủ thể thể hiện tính bền vững của chuỗi (Kaplinsky & Morris, 2000; Callioni & Billington, 2001).

Dược liệu có vai trò quan trọng trong việc chữa bệnh (Veeresham, C., 2012). Phát triển sản xuất cây dược liệu theo chuỗi đã giúp các hộ nông dân nghèo nâng cao thu nhập từ 2 - 4 lần và giảm nghèo bền vững (Huang & cộng sự, 2017). Các nghiên cứu về dược liệu trên thế giới ở cấp độ khu vực/vùng, quốc gia đều đã chứng tỏ tầm quan trọng của việc thiết lập sản xuất dược liệu theo quy mô, tập trung gắn với phát triển chuỗi giá trị để thúc đẩy thị trường hàng hoá; Đồng thời, trong quá trình phát triển vùng sản xuất dược liệu tập trung theo chuỗi giá trị, giá trị gia tăng của chuỗi dược liệu được cải thiện tích cực nếu thúc đẩy cải tiến ở từng khâu trong chuỗi hướng tới đa dạng chủng loại sản phẩm hàng hoá chế biến sâu và tận dụng tối đa phế phụ phẩm ở các công đoạn trong chuỗi (Mebrahtu Hishe & cộng sự, 2016; Imami, D. & cộng sự, 2015).

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị ngành hàng nông sản đã được thực hiện như: sản phẩm thịt lợn (Tạ Văn Tường & Đỗ Kim Chung, 2019), bí xanh (Nguyễn Hữu Nhuận & cộng sự, 2021), chanh leo (Nguyễn Minh Đức & Nguyễn Hải Yến, 2021)... Tất cả đều chứng minh vai trò quan trọng của chuỗi giá trị trong nâng cao giá trị gia tăng, chủ động luân chuyển sản phẩm giữa các tác nhân và thúc đẩy phát triển sản xuất – chế biến – tiêu thụ hàng nông sản. Đối với dược liệu, Nguyễn Bá Hoạt (2003) đã phân tích tiềm năng sản xuất dược liệu của tỉnh Quảng Nam; Huynh, Tuan Bao, et al (2013) đã phân tích chuỗi giá trị dược liệu - cây Diệp Hạ Châu; Trần Trung Vỹ (2019) phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất cây dược liệu theo chuỗi giá trị tại tỉnh Quảng Ninh... Các nghiên cứu trên đã chỉ ra những vướng mắc từ quản lý quy hoạch vùng trồng, cơ chế xây dựng mối liên kết bền vững trong chuỗi, tăng cường công nghệ, thiết kế mẫu mã sản phẩm ở từng khâu trong toàn chuỗi và thâm nhập thị trường sản phẩm, nhất là sản phẩm dược liệu đã qua chế biến sâu.

Tính đến nay đã có nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị và chuỗi giá trị các ngành hàng nông sản. Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển chuỗi giá trị dược liệu chưa nhiều và đặc biệt chưa có đối với huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, nghiên cứu về giải pháp phát triển chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình là cần thiết.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nguồn số liệu

Thông tin thứ cấp thu thập từ hệ thống các văn bản chính sách, tài liệu có liên quan đến phát triển sản xuất dược liệu theo chuỗi giá trị từ cấp quốc tế, quốc gia và địa phương - tỉnh Hòa Bình. Thông tin sơ cấp thu thập thông qua chọn mẫu phỏng vấn đối với 60 tác nhân sản xuất (trồng) dược liệu, gồm: hộ, trang trại, hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp tại 03 xã có diện tích cây dược liệu lớn nhất của huyện Yên Thủy gồm xã Bảo Hiệu, Đa Phúc và Yên Trị (chiếm hơn 90% tổng diện tích dược liệu toàn huyện). Tọa đàm kết hợp phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý nhà nước về nông nghiệp, tác nhân thu gom, chế biến, bán buôn và bán lẻ dược liệu (Bảng 1).

Bảng 1: Thông tin cơ bản về mẫu điều tra

Tác nhân	Tổng mẫu	Xã			
		Bảo Hiệu	Đa Phúc	Yên Trị	Xã khác
Sản xuất (trồng)	60	20	25	15	0
Thu gom	5	1	2	0	2
Chế biến và tiêu thụ	5	1	1	1	2
Bán buôn, bán lẻ	3	0	0	0	3
Quản lý nhà nước	7	1	1	1	4
Tổng	80	23	29	17	11

Phương pháp phân tích thông tin

Phân tích chuỗi giá trị của Kaplinsky & Morris (2000) được dùng để sơ đồ hóa mối liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị dược liệu. Thống kê mô tả, so sánh và phân tích tài chính được sử dụng để phân tích hoạt động, kết quả, hiệu quả kinh tế của các tác nhân trong chuỗi và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi giá trị dược liệu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng phát triển chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

4.1.1. Tổng quan tình hình sản xuất dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

Yên Thủy thuộc quy hoạch phát triển vùng dược liệu trọng điểm của tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, giai đoạn 2019-2021, diện tích cây dược liệu của toàn huyện giảm nhanh, từ 231,6 ha (năm 2019) xuống 147,1 ha (năm 2021), giảm bình quân 11,25%/năm. Đó là do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đã làm “đứt gãy” các kênh tiêu thụ trước đây, dẫn tới người dân phá bỏ phần lớn diện tích dược liệu để quay lại trồng các cây rau màu truyền thống. Hiện nay, diện tích cây dược liệu ở Yên Thủy phát triển chưa theo sát quy hoạch vùng trồng và thiếu kiểm soát của các đơn vị chức năng nên đã dẫn tới ổn định trong kết nối sản xuất – chế biến – tiêu thụ sản phẩm dược liệu.

Bảng 2: Diện tích cây dược liệu tại huyện Yên Thủy giai đoạn 2019-2022

Xã (Thị trấn)	2019	2020	2021	Ước 2022	DVT: ha
					TĐ PTBQ (%)
TT Hàng Trám	7,4	1,0	1,1	1,1	52,97
Xã Đa Phúc	201,5	132,6	137,5	151,9	91,01
Xã Bảo Hiệu	14,4	4,8	4,8	5,0	70,29
Xã Yên Trị	8,3	3,6	3,7	3,9	77,74
Tổng	231,6	142,0	147,1	161,9	88,75

Nguồn: UBND huyện Yên Thủy (2022).

Theo quy hoạch vùng sản xuất dược liệu tỉnh Hòa Bình đến năm 2025, toàn huyện sẽ có 205 ha đất trồng dược liệu tại 5 xã (Đa Phúc, Lạc Sỹ, Yên Trị, Ngọc Lương và Phú Lai). Tuy nhiên, sau đại dịch Covid 19, huyện đã điều chỉnh giảm diện tích quy hoạch trồng dược liệu và hướng tới nâng cao tiêu chuẩn chất lượng. Vì thế, diện tích quy hoạch trồng dược liệu toàn huyện năm 2025 sẽ tập trung ở 7 xã, với 150 ha đạt tiêu

chuẩn thực hành tốt nuôi trồng và thu hái theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO), trong đó, cà gai leo và xạ đen với tỷ lệ dược tính cao được xác định là dược liệu chủ lực của Yên Thủy.

Bảng 3: Điều chỉnh quy hoạch trồng dược liệu của huyện Yên Thủy đến năm 2025

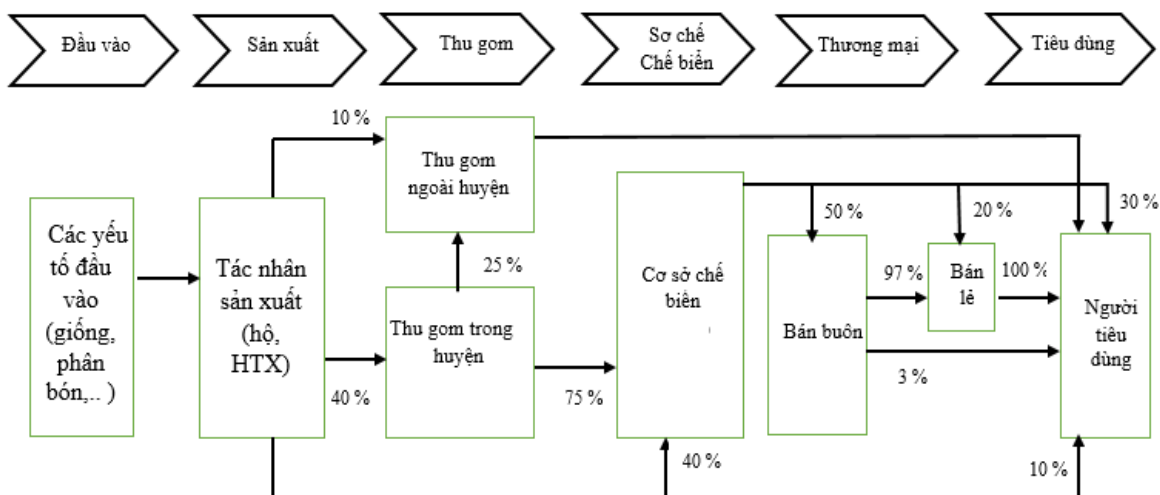
Địa phương	Tỉnh quy hoạch thời điểm năm 2018 (ha)	Huyện điều chỉnh quy hoạch thời điểm năm 2022 (ha)
Xã Lạc Lương	0	10
Xã Đa Phúc	150	150
Xã Lạc Sỹ	20	10
Xã Yên Trị	15	10
Xã Bảo Hiệu	0	20
Xã Ngọc Lương	10	0
Xã Phú Lai	10	0
Tổng	205	200

Nguồn: UBND huyện Yên Thủy (2022).

4.1.2. Sơ đồ chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

Trong chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tác nhân trồng dược liệu là tác nhân đầu tiên sử dụng đầu vào (giống, phân bón...) để tiến hành sản xuất. Khi thu hoạch, dược liệu được tiêu thụ qua 4 kênh gồm: thu gom trong huyện (40% sản lượng qua thương lái là người trong huyện và các HTX), thu gom ngoài huyện (10%), cơ sở chế biến (40% - bán tươi hoặc qua sơ chế, chế biến) và tiêu thụ trực tiếp cho người tiêu dùng (10% - tác nhân sản xuất tự sơ chế, chế biến và bán). Kênh tiêu thụ sản phẩm dược liệu hiện nay của huyện Yên Thủy là khá đa dạng (Hình 1). Điều đó chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh dược liệu tại địa phương đã bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại sau đại dịch Covid 19.

Hình 1: Sơ đồ chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình



Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả (2022).

4.1.3. Đặc điểm và vai trò của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị dược liệu huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

Tác nhân sản xuất: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp trung bình 0,5 ha/cơ sở trồng, trong đó diện tích dược liệu trên 50% và đóng góp hơn 73% tổng thu nhập. Trên 90% số chủ cơ sở sản xuất dược liệu là người Mường, 60% trình độ cấp 1, độ tuổi trung bình 47 và 68% đã trồng dược liệu trên 10 năm (Bảng 4). Tuy có lợi thế về kinh nghiệm song hạn chế về trình độ và độ tuổi của chủ cơ sở sẽ ảnh hưởng tới tiếp cận thị trường, sử dụng đầu vào hoá học, kỹ thuật canh tác an toàn, lựa chọn công nghệ thu hoạch... Thực tế, trên 80% dược liệu trong vùng được tiêu thụ ở dạng tươi. Vì thế, cần tập trung chuyên sâu cho khâu sản xuất thông qua truyền

thông quy trình trồng dược liệu an toàn để dần hướng tới xây dựng vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP-WHO.

Tác nhân thu gom: Gồm các HTX, thương lái trong huyện và thương lái thu gom ngoài huyện. Hai nhóm này có đặc điểm, cách thức hoạt động và giá thu mua tương đồng nhất do thường xuyên quan hệ, trao đổi với nhau; đặc biệt khi cần gom hàng họ vẫn giao dịch với nhau. Phần lớn giá thu mua do tác nhân thu gom quyết định và thỏa thuận miệng với tác nhân sản xuất (86% ý kiến). Phương thức thanh toán bằng tiền mặt và giá giao dịch được xác định dựa vào đánh giá cảm quan chất lượng sản phẩm, tính mùa vụ và cung – cầu thị trường. Dược liệu tươi sau khi thu gom được đưa vào phân loại, sơ chế dưới dạng phơi, sấy khô bằng các lò quay nhiệt thủ công, đóng bao nylon để dự trữ. Họ chưa dám mạnh dạn đầu tư công nghệ sơ chế tiên tiến như sấy lạnh, vi sóng... để nâng cao chất lượng.

Tác nhân chế biến: Hiện có 3 cơ sở chế biến sâu có đăng ký kinh doanh, đó là: HTX Nông lâm nghiệp Bảo Hiệu, HTX Nông nghiệp Yên Trị và Cơ sở kinh doanh Bùi Văn Chung. Ngoài ra, dược liệu còn được các thầy lang trong vùng chế biến thành các bài thuốc nam (Lương y Bùi Văn Phụng ở xã Yên Trị) và các hộ nhỏ lẻ chế biến thành dược liệu khô để bán. Tuy nhiên, mẫu mã, hình thức và chất lượng các sản phẩm dược liệu chế biến vẫn tiếp tục phải nâng cấp và hoàn thiện, đặc biệt là các loại cao và trà túi lọc. Một số sản phẩm dược liệu chế biến sâu của huyện Yên Thủy đã đạt tiêu chuẩn mỗi xã một sản phẩm (OCOP) hạng 3 sao và có mặt trên nhiều tỉnh thành trong cả nước như: cao cà gai leo, bột cà gai leo hòa tan, cao xạ đen, trà cà gai leo túi lọc... Các cơ sở chế biến dược liệu của huyện Yên Thủy đều mong muốn: (i) Người trồng dược liệu tuân thủ đúng quy trình canh tác an toàn và thời điểm thu hoạch cho tỉ lệ dược tính tốt; (ii) Hỗ trợ đầu tư lò sấy theo công nghệ vi sóng và thiết bị hút chân không công suất lớn để đảm bảo khử khuẩn vệ sinh nguyên liệu trước khi đưa vào sấy, sau đó hút chân không để bảo quản dự trữ cho công đoạn chế biến sâu tiếp theo như: làm trà túi lọc, nấu cao dạng lỏng và cô bột tinh chất khô...

Tác nhân bán buôn: Giữ vai trò kết nối đưa sản phẩm dược liệu đã qua chế biến của huyện ra thị trường. Tất cả đều lấy sản phẩm từ các cơ sở chế biến để quảng bá tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Họ đều có kinh nghiệm kinh doanh dược liệu từ 5-7 năm và phương tiện vận chuyển. Đa số tác nhân chế biến – bán buôn đã thực hiện hợp đồng, song các ràng buộc mang tính pháp lý cao. Vì thế, cần thúc đẩy các hình thức hợp đồng kinh tế để giảm thiểu rủi ro cho các bên.

Tác nhân bán lẻ: Cùng với các tác nhân bán lẻ chuyên nghiệp (mua lại hàng từ tác nhân bán buôn để bán lẻ), các cơ sở chế biến dược liệu cũng tham gia bán lẻ và hiện đang giữ vị trí quan trọng trong thúc đẩy chuỗi (100% các cơ sở chế biến đều có hoạt động bán lẻ, với lượng sản phẩm tiêu thụ chiếm 30% và giá trị sản phẩm tiêu thụ chiếm 40%). Ngoài ra, người tiêu dùng còn mua sản phẩm trực tiếp từ tác nhân sản xuất (10%), bán buôn (3%) và thu gom ngoài tỉnh... Như vậy, hoạt động bán lẻ dược liệu đang được thực hiện ở tất cả các tác nhân trong chuỗi chứ không chỉ tập trung vào mỗi tác nhân bán lẻ.

4.1.4. Liên kết giữa các tác nhân tham gia chuỗi giá trị dược liệu

Liên kết dọc

Bảng 4: Thông tin chung về tác nhân sản xuất dược liệu tại huyện Yên Thủy năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Địa điểm điều tra			Tính chung
		Bảo Hiệu	Đa Phúc	Yên Trị	
Tổng số cơ sở điều tra	cơ sở	20	25	15	60
Tuổi trung bình	tuổi	48,8	45,7	46,8	47,01
Số năm kinh nghiệm					
Dưới 5 năm	%	0	8,00	13	7
Từ 5 - 10 năm	%	30	24,00	20	25
Trên 10 năm	%	70	68,00	67	68
Trình độ học vấn					
Cấp 1	%	65	60	53	60
Cấp 2	%	35	28	40	33
Cấp 3	%	0	12	7	7
Diện tích đất nông nghiệp	ha/cơ sở	0,54	0,46	0,51	0,50
Tỷ lệ đất trồng cây dược liệu	%	51	53	49	51,33

Nguồn: Kết quả điều tra (2022).

Liên kết dọc là liên kết giữa các tác nhân khác nhau, mang tính nối tiếp nhau trong chuỗi. Tại Yên Thủy, liên kết dọc trong chuỗi giá trị dược liệu được thể hiện như sau:

Liên kết giữa tác nhân sản xuất với thu gom và chế biến: 15% các tác nhân sản xuất có thỏa thuận chặt chẽ với các HTX chế biến và thương lái về giá và bao tiêu đầu ra ổn định dựa trên các mối quan hệ được thiết lập từ trước. 85% còn lại tham gia liên kết dọc theo kiểu tự phát. Dù đã có thỏa thuận nhưng tính pháp lý của hợp đồng chưa cao do ý thức tuân thủ của người dân; thực tế trên 50% tác nhân sản xuất vẫn phá hợp đồng khi có biến động giá.

Liên kết giữa tác nhân thu gom và chế biến: Liên kết này dựa trên các mối quan hệ buôn bán lâu năm hoặc do các đối tác giới thiệu. Mặc dù chỉ thỏa thuận miệng nhưng liên kết này được 100% các tác nhân tham gia đánh giá là chặt chẽ và đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên bằng uy tín cá nhân, sự tin tưởng và tiền đặt cọc...

Liên kết giữa tác nhân chế biến với bán buôn và bán lẻ: Trên 74% tác nhân chế biến có ký hợp đồng với bán buôn để đảm bảo về số lượng và giá sản phẩm, tỷ lệ này ở tác nhân bán lẻ là 57%. Số còn lại họ chủ yếu liên kết bằng thỏa thuận miệng, đảm bảo bằng uy tín cá nhân, sự tin tưởng và tiền đặt cọc...

Liên kết ngang

Liên kết ngang là liên kết của các tổ chức, cá nhân trong cùng một tác nhân (một khâu) của chuỗi với nhau. Liên kết ngang trong chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy được thể hiện như sau:

Liên kết giữa các tác nhân sản xuất: Các cơ sở trồng dược liệu chủ yếu là hộ nông dân đã liên kết với nhau trong đối công, mua chung đầu vào, tập hợp đầu ra khi có mối tiêu thụ lớn, hình thành nhóm sở thích, HTX... Tuy nhiên, trên 50% số hộ cho rằng liên kết này đơn giản, tự phát, chưa thể bao tiêu toàn bộ đầu ra cho các thành viên trong nhóm liên kết nên chưa hiệu quả.

Liên kết giữa các tác nhân thu gom: 100% tác nhân thu gom cho rằng mối liên kết của họ chưa mạnh vì chính họ đang cạnh tranh nhau về giá, vùng nguyên liệu và thị trường phân phối...

Liên kết giữa các tác nhân chế biến: 100% tác nhân chế biến tham gia mỗi liên kết này. Họ là người cùng địa phương nên thường xuyên hỗ trợ nhau trong tổ chức chế biến, đăng ký mẫu mã sản phẩm nhưng vẫn cạnh tranh với nhau trong phát triển thị trường và đổi mới công nghệ.

Liên kết giữa các tác nhân bán buôn: 100% tác nhân bán buôn đều biết và có thông tin của nhau. Họ thường xuyên trao đổi thông tin với nhau về chất lượng sản phẩm và thị trường dược liệu. Tuy nhiên, tất cả đều cho rằng mức độ liên kết của họ là rất khó xác định và ở mức độ chưa chặt chẽ.

Liên kết giữa các tác nhân bán lẻ: 100% đều cho rằng họ không có mối liên kết với nhau do họ phân tán ở các địa bàn khác nhau và cũng bởi dược liệu không phải là mặt hàng tiêu dùng phổ biến.

Như vậy, liên kết trong chuỗi giá trị dược liệu của huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình đã có nhưng chưa chặt chẽ và còn hạn chế về nhận thức pháp lý. Vì thế, trong thời gian tới cần tăng cường truyền thông pháp lý hướng tới chia sẻ lợi ích giữa các tác nhân để tạo dựng tính bền vững của chuỗi.

4.1.5. Phân tích tài chính chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu chủ lực - cà gai leo của huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình

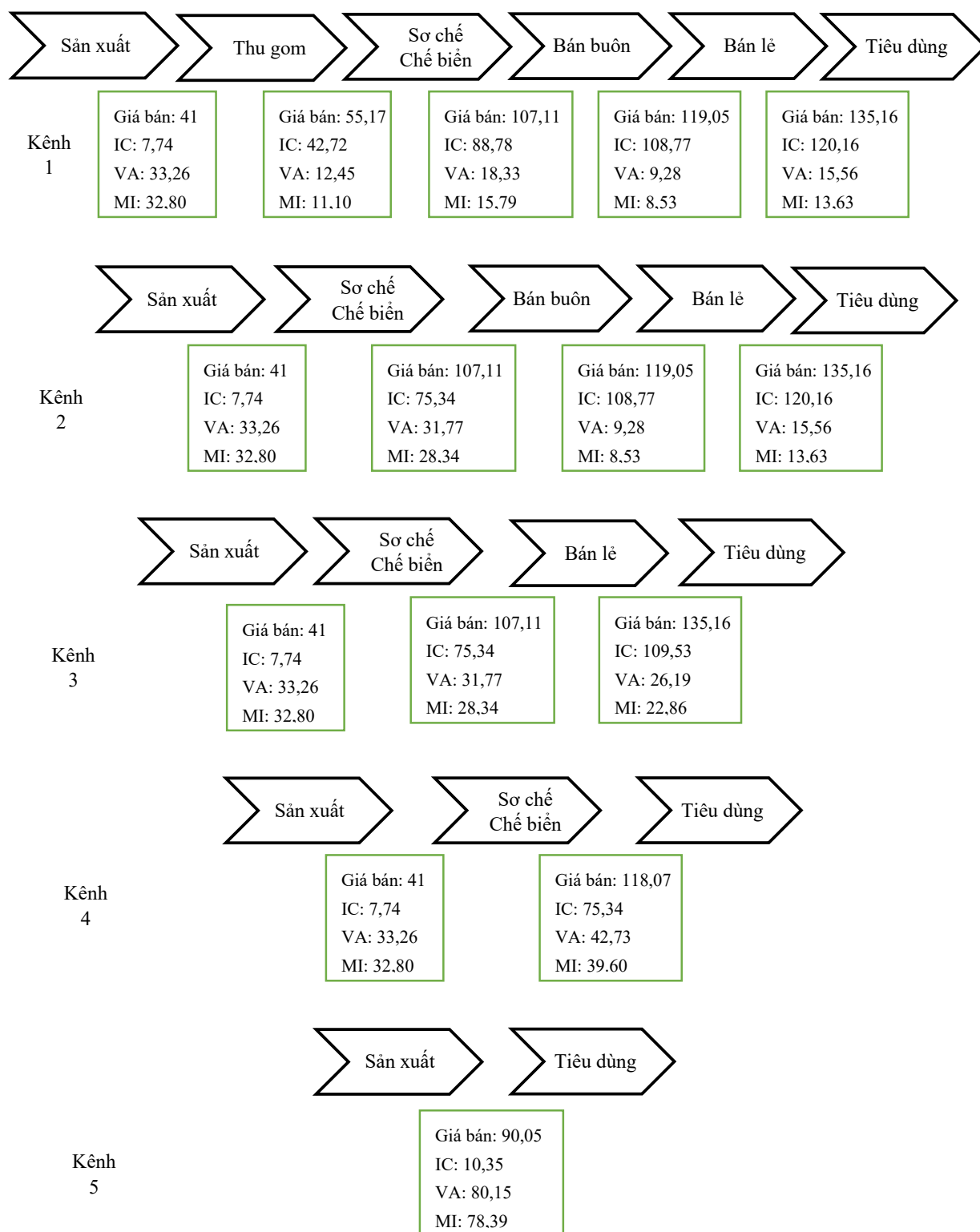
Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm cà gai leo khô (Hình 2) cho thấy: Tại Yên Thủy đang có 5 kênh tiêu thụ dược liệu cà gai leo. Độ dài của từng kênh phụ thuộc vào số lượng các tác nhân tham gia trong kênh. Ở các kênh có trung gian, tác nhân sản xuất chiếm tỷ trọng VA lớn nhất (36,46 – 43,77%), tiếp đó là tác nhân chế biến (20,62 – 56,23%) trong mỗi đơn vị sản phẩm. Tương tự, đối với MI, tác nhân sản xuất chiếm 39,05 – 45,30% và tác nhân chế biến chiếm 19,29 – 54,70% tùy theo từng kênh. Đây cũng là 2 tác nhân chiếm thời

Bảng 5. Thu nhập của các tác nhân trong chuỗi giá trị cà gai leo khô huyện Yên Thủy

Chỉ tiêu	ĐVT	Sản xuất	Thu gom	Chế biến	Bán buôn	Bán lẻ
Thu nhập/tán/tác nhân	Triệu đồng	37,35	10,78	24,38	8,71	16,71
Sản lượng/tác nhân/vụ	Tấn	1,9	10,74	7,20	20,81	0,81
Thu nhập/tác nhân/vụ	Triệu đồng	70,97	115,78	175,54	181,25	13,54

Nguồn: Kết quả điều tra (2022).

Hình 2: Phân tích tài chính chuỗi giá trị cà gai leo khô qua các kênh phân phối



Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả (2022)

gian sản xuất kinh doanh dài nhất. Do quy mô sản xuất kinh doanh của các tác nhân có sự khác biệt nên thu nhập thuần của bán buôn và chế biến đạt cao nhất (181,25 triệu đồng/vụ và 175,54 triệu đồng/vụ); tiếp đó là thu gom, sản xuất và bán lẻ (Bảng 5). Nếu có sự liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân sẽ thực hiện được

điều tiết lợi ích, tăng khối lượng sản phẩm tiêu thụ, tăng thu nhập thuần của các tác nhân trong chuỗi, đồng thời tạo ra phân phối giá trị gia tăng hợp lý theo thời gian tham gia sản xuất kinh doanh của các tác nhân trong chuỗi.

4.2. Yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

Chủ trương chính sách

Hiện các chính sách hỗ trợ của tỉnh Hoà Bình tập trung cho phát triển nông nghiệp chung như: Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 5/6/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình; Quyết định 3119/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình... Như vậy, tại địa phương đang thiếu chính sách, giải pháp ưu tiên đặc thù phát triển vùng dược liệu tập trung và hỗ trợ các tác nhân để chuỗi giá trị dược liệu phát triển bền vững.

Trình độ của tác nhân tham gia chuỗi

Độ tuổi của các tác nhân phổ biến từ 35 – 45, trình độ học vấn hạn chế đã ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất kinh doanh dược liệu ở từng khâu và toàn chuỗi. Thực tế, chỉ 40% số cơ sở chế biến dược liệu áp dụng kỹ thuật tiên bộ và con số này ở tác nhân sản xuất dược liệu là 28,33%. Các khâu trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến và bảo quản... chủ yếu vận dụng kinh nghiệm. 100% các tác nhân trong chuỗi đều cho rằng hạn chế về trình độ và độ tuổi đã làm giảm hiệu quả hoạt động của chuỗi.

Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị

Tại Yên Thủy đã có sự liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị dược liệu. Tuy nhiên, mức độ liên kết này chưa bền chặt do sự thiếu hiểu biết của các bên về tuân thủ nguyên tắc hợp đồng. Hình thức HTX đứng ra làm “đầu tàu” của chuỗi cần được quan tâm hơn nữa để thúc đẩy phát triển chế biến sâu và kết nối thị trường. Nên thiết lập những ràng buộc pháp lý, tài chính giữa các bên để đảm bảo tính bền vững của liên kết theo chuỗi, đồng thời kết nối doanh nghiệp tham gia trực tiếp trong chuỗi.

Thị trường tiêu thụ

Các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ dược liệu chưa thực sự hiệu quả bởi “sức ép” của bên mua đã gây ra rủi ro thị trường đối với bên bán. Tất cả đều cho rằng liên kết theo chuỗi là cần thiết để chia sẻ thông tin kỹ thuật và thị trường giữa các khâu và giúp tự điều chỉnh để chuỗi vận hành theo định hướng thị trường. Bên cạnh đó, dược liệu của Yên Thủy cũng chịu sự cạnh tranh bởi sản phẩm cùng loại của các địa phương trong, ngoài tỉnh và nguồn nhập khẩu. Vì vậy, chủ động nguồn cung dược liệu đảm bảo chất lượng, đa dạng sản phẩm chế biến sâu và hướng tới xây dựng thương hiệu chính là tiền đề phát triển chuỗi bền vững.

Khoa học công nghệ

Áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ dược liệu của Yên Thủy phải được quan tâm hơn trong bối cảnh số hoá nền kinh tế. 100% các tác nhân đều lựa chọn hướng kết nối vùng trồng dược theo quy chuẩn với công nghệ chế biến sâu và marketing số cho các dược liệu chủ chốt (Cà gai leo, xạ đen) của Yên Thủy. Thực tế, đã có các HTX trên địa bàn mạnh dạn đầu tư công nghệ chế biến sâu hoặc thuê gia công chế biến tại các doanh nghiệp dược phẩm hiện đại. Các sản phẩm chế biến sâu của họ đều đạt tiêu chuẩn OCOP hạng 3 sao.

Điều kiện tự nhiên

Khí hậu, thổ nhưỡng, quỹ đất của Yên Thủy phù hợp để phát triển dược liệu, đặc biệt xạ đen, cà gai leo có dược tính rất cao. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên sâu bệnh, sương muối, đông lạnh, lũ... xảy ra nhiều hơn, làm năng suất, chất lượng dược liệu bị giảm (nhận định của 100% tác nhân sản xuất) và đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các tác nhân trong chuỗi.

4.3. Đề xuất giải pháp phát triển chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

Nâng cao trình độ canh tác của các cơ sở trồng dược liệu, đặc biệt là người trồng để hướng tới phổ biến kỹ thuật canh tác dược liệu an toàn, hữu cơ, đạt tiêu chuẩn GACP-WHO và chú trọng thời điểm thu hoạch đạt hàm lượng dược tính cao. Hình thành các tổ nhóm sở thích trồng dược liệu, khuyến khích các hộ trồng dược liệu tham gia HTX, hình thành các vùng sản xuất dược liệu tập trung để đồng bộ quy trình canh tác dược liệu và thực hiện cơ chế giám sát dựa vào cộng đồng hướng tới nâng cao chất lượng dược liệu nguyên liệu.

Thúc đẩy hình thành và nâng cấp mối liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị dược liệu, đặc biệt là các liên kết dọc để rút ngắn kênh phân phối, góp phần nâng cao thu nhập. Bên cạnh đó, tiếp tục hỗ trợ và

khuyến khích tham gia các mối liên kết với HTX, tổ hợp tác và nhóm sản xuất tập trung. Chính quyền địa phương chủ động tìm và tạo dựng kết nối với doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu dược liệu và doanh nghiệp phân phối sản phẩm dược liệu chế biến sâu để đẩy mạnh tăng trưởng theo quy mô.

Tăng cường hỗ trợ đổi mới công nghệ chế biến sâu: Hỗ trợ phải mang tính tập trung để có công nghệ phù hợp, tránh triển khai theo phong trào và dàn trải. Quan tâm sử dụng các công nghệ chế biến của Việt Nam để tăng tính chủ động trong bảo hành, bảo dưỡng và bảo trì máy móc, góp phần tăng tần suất khai thác thiết bị công nghệ, đặc biệt là công nghệ làm trà, nấu cao, cô bột khô. Hỗ trợ và hình thành các điểm chế biến sâu dược liệu theo từng cụm vùng để đẩy nhanh khấu hao về công nghệ, nhanh thu hồi vốn đầu tư.

Cải tiến cách thức kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của HTX và chính quyền địa phương trong vai trò làm trung gian kết nối giữa doanh nghiệp với các cơ sở sản xuất để đảm bảo tính pháp lý của các liên kết và mở rộng thị trường đầu vào, đầu ra cho các sản phẩm dược liệu. Phổ biến thực hiện mô hình đặt cọc hợp đồng để tăng tính ràng buộc khi xảy ra rủi ro. Ngoài ra, cần liên kết với các tỉnh để mở rộng thị trường tiêu thụ dưới các hình thức: mở gian hàng trực tuyến – trực tiếp, gửi bán tại các hội chợ, điểm du lịch và dừng nghỉ...

Kết hợp giữa phát triển dược liệu bản địa chủ lực với bảo tồn và phát triển dược liệu quý hiếm. Gắn tổ chức trồng dược liệu tập trung trên đồng ruộng, cải tạo vườn tạp quanh nhà với khai thác dược liệu tự nhiên trong vùng, khoanh vùng bảo tồn, phát triển đa dạng nguồn dược liệu bền vững. Tránh tình trạng sản xuất dược liệu không đảm bảo chất lượng, khai thác tận thu, tận diệt, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên dược liệu. Đồng thời, bảo tồn, phục tráng, phát triển các loại dược liệu quý hiếm, mang tính đặc trưng của vùng như: sâm xuyên đá, xạ vàng, khôi nhung... để tạo hỗ trợ cộng hưởng khi thị trường dược liệu biến động bất thường.

Hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm dược liệu chế biến đạt OCOP: Xây dựng thương hiệu, nhãn mác, bao bì, chỉ dẫn địa lý, tem truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ đăng ký và nâng hạng OCOP thường xuyên... để mở rộng cơ hội tiêu thụ. Đồng thời, phục hồi và thương mại hoá các bài thuốc nam bản địa hữu dụng để thúc đẩy quảng bá, tiêu thụ dược liệu địa phương bằng nhiều cách.

Cải thiện cơ sở hạ tầng vùng sản xuất dược liệu để nâng cao hiệu quả toàn chuỗi giá trị. Để chuỗi giá trị dược liệu được bền vững, địa phương cần đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông, thủy lợi cho các vùng sản xuất dược liệu tập trung. Trong tương lai hướng tới xây dựng vùng canh tác nguyên liệu dược liệu đạt chuẩn GACP-WHO để nâng cao hơn nữa năng lực tiếp cận thị trường cả trong nước và quốc tế.

5. Kết luận

Phát triển sản xuất dược liệu theo chuỗi giá trị là hướng đi đúng và nhiều tiềm năng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao thu nhập cho người dân. Tại Yên Thủy, dược liệu được bán thông qua 5 kênh chính, trong đó kênh tiêu thụ bởi thu gom địa phương và bán trực tiếp cho cơ sở chế biến đang chiếm ưu thế (mỗi kênh khoảng 40% sản lượng). Phân tích tài chính chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu chủ lực - cà gai leo cho thấy các tác nhân trong chuỗi đều có thu nhập theo mức độ đóng góp. Tuy nhiên, để tăng thêm giá trị gia tăng là rất khó, do biến động giá, thị hiếu tiêu dùng yêu cầu cao về mẫu mã và chất lượng sản phẩm, cạnh tranh “gay gắt” giữa các sản phẩm cùng loại. Trong khi đó, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi chưa bền chặt và hạn chế về tuân thủ nguyên tắc cam kết.

Để thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị dược liệu tại huyện Yên Thủy, cần tập trung vào các giải pháp sau: Nâng cao trình độ canh tác của các cơ sở trồng dược liệu hướng tới quy chuẩn; Thúc đẩy hình thành và nâng cấp các mối liên kết giữa các tác nhân; Tăng cường hỗ trợ đổi mới công nghệ chế biến sâu; Cải tiến kết nối thị trường tiêu thụ; Kết hợp phát triển dược liệu bản địa chủ lực cùng với bảo tồn và phát triển dược liệu quý hiếm; Hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm dược liệu chế biến đạt OCOP; Cải thiện cơ sở hạ tầng vùng sản xuất dược liệu.

Lời thừa nhận/ Cảm ơn: Nhóm tác giả xin được cảm ơn nhóm nghiên cứu của đề tài cấp tỉnh “Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển vùng sản xuất dược liệu tập trung theo chuỗi giá trị tại tỉnh Hoà Bình” đã chia sẻ thông tin để hoàn thiện bài báo này.

Tài liệu tham khảo

- Callioni, G., & Billington, C. (2001), Effective Collaboration - Hewlett-Packard takes supply chain management to another level., *OR MS TODAY*, 28(5), 34-39.
- Huang, L. Q., Su, G. Q., Zhang, X. B., Sun, X. M., Wu, X. J., Guo, L. P., ... & Jing, Z. X. (2017), 'Key points of poverty alleviation of Chinese herbal medicine industry and classification of recommended Chinese herbal medicines', *China journal of Chinese Materia Medica*, 42(22), 4319-4328.
- Huynh, T. B., Ho, H. P., Tran, C. T., & Nguyen, C. N. K. (2013), 'The research of pharmaceutical value chain–Diep Ha Chau (Phyllanthus Amarus)', *Science and Technology Development Journal*, 16(2), 37-45.
- India. Imami, D., Ibraliu, A., Fasllia, N. Gesunde Pflanzen (2015), 'Analysis of the Medicinal and Aromatic Plants Value Chain in Albania', *Gesunde Pflanzen*, 67(4), 155-162.
- Kaplinsky, R., & Morris, M. (2000), *A handbook for value chain research (Vol. 113)*, Brighton: University of Sussex, Institute of Development Studies.
- Lê Nga (2019), *Việt Nam tiêu thụ 60.000 tấn thảo dược mỗi năm*, Truy cập ngày 15/5/2020, <https://vnexpress.net/vietnam-tieu-thu-60-000-tan-thao-duoc-moi-nam-3897863.html>
- Mebrahtu Hishe, Zemedede Asfaw & Mirutse Giday (2016), 'Review on value chain analysis of medicinal plants and the associated challenges', *Journal of Medicinal Plants Studies*, 4(3), 45-55.
- Nguyễn Bá Hoạt (2003), 'Điều tra tiềm năng dược liệu một số huyện miền ở tỉnh Quảng Nam: Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển', Viện Dược liệu, Đề tài Khoa học công nghệ cấp tỉnh. Quảng Nam.
- Nguyễn Hữu Nhuận, Hoàng Hữu Thành & Đỗ Huy Hùng (2021), 'Nghiên cứu chuỗi giá trị bí xanh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình', *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 19(10), 1283-1292.
- Nguyễn Minh Đức & Nguyễn Hải Yến (2021), 'Thách thức trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị: Nghiên cứu trường hợp chuỗi giá trị chanh leo ở Sơn La', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 285(2), 112-121.
- Porter, M. E. (1985), 'Technology and competitive advantage', *Journal of Business Strategy*, 5(3), 60-78.
- Tạ Văn Tường & Đỗ Kim Chung (2019), 'Giải pháp cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội', *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 17(3), 256-269.
- Trần Trung Vỹ (2019), 'Phát triển chuỗi giá trị cây dược liệu tỉnh Quảng Ninh', Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế. Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên. Thái Nguyên.
- UBND huyện Yên Thủy (2022), *Báo cáo Quy hoạch phát triển dược liệu huyện Yên Thủy đến năm 2025, định hướng năm 2030*, Hòa Bình.
- Veeresham, C. (2012), 'Natural Products Derived from Plants as a Source of Drugs', *Journal of Advanced Pharmaceutical Technology & Research*, 3(4), 200-201.